

Bản án số: **111/2026/HN-ST**

Ngày: 09/4/2026

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Sử Văn Trai Em
2. Ông Trần Châu Phương

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mỹ Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 04 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 544/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2025 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2026/QĐ-ST ngày 13 tháng 03 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2026/QĐST-HN ngày 24/03/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đinh Thị L, sinh năm 1987; (Xin vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn 3, xã Ea Rót, tỉnh Đắk Lắk
2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1979; (Vắng mặt)
Địa chỉ: ấp P, xã H, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đinh Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông G quen biết, tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre (Nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long). Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau

đó thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin ly hôn với ông G.

Về con chung: Có 03 con chung cháu Đinh Minh T, sinh ngày 27/06/2012, cháu Nguyễn Văn T1, sinh ngày 25/03/2006 và cháu Nguyễn Thị Ngọc L1, sinh ngày 18/12/2013. Cháu Nguyễn Văn T1 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn bà đồng ý để ông G nuôi cháu T, cháu L1 bà không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn G đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Nguyên đơn bà Đinh Thị L có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Văn G đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà L, ông G.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L.

Về con chung: Có 03 con chung cháu Đinh Minh T, sinh ngày 27/06/2012, cháu Nguyễn Văn T1, sinh ngày 25/03/2006 và cháu Nguyễn Thị Ngọc L1, sinh ngày 18/12/2013.

Cháu Nguyễn Văn T1 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Khi ly hôn giao cháu T, cháu L1 cho ông G trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận ông G chưa có yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết đề nghị không xem xét giải quyết.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và yêu cầu của bà Đinh Thị L, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với nguyên đơn bà Đinh Thị L có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Văn G đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L, ông G.

[2]. Về nội dung:

2.1. Về hôn nhân:

Hôn nhân của bà Đinh Thị L và ông Nguyễn Văn G là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre (Nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long) đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Bà L yêu cầu được ly hôn với ông G. Bà L cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin được ly hôn với ông G.

Khi thực hiện xác minh với chính quyền địa phương tại nơi bà L, ông G sinh sống thì địa phương không biết được mâu thuẫn của vợ chồng bà L, ông G.

Thấy rằng, mục đích hôn nhân là để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; trong quá trình sống chung vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, tin tưởng lẫn nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà L và ông G là có thật, vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhưng không có giải pháp khắc phục làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Ông, bà đã có khoảng thời gian ly thân, giữa vợ chồng không còn sự quan tâm, chăm sóc, yêu thương lẫn nhau. Tòa án đã triệu tập ông G nhiều lần đến Tòa để hòa giải với bà L nhưng ông G không đến và cũng không có ý kiến trình bày, điều đó chứng minh ông G cũng không có thiện chí đoàn tụ. Xét mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân đã không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L đối với ông G là đúng theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2. Về con chung: Có 03 con chung cháu Nguyễn Văn T1, sinh ngày 25/03/2006, cháu Đình Minh T, sinh ngày 27/06/2012 và cháu Nguyễn Thị Ngọc L1, sinh ngày 18/12/2013.

Cháu Nguyễn Văn T1 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Đối với cháu T và cháu L1 thì khi ly hôn bà L đồng ý để hai con chung cho ông G nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con. Ông G không có ý kiến về con chung. Tại biên bản lấy ý kiến con cháu T và cháu L1 đều trình bày có nguyện vọng sống với ông G. Thấy rằng, từ khi bà L và ông G ly thân hai con chung đã sống với ông G có môi trường sống ổn định, bình thường. Hiện nay bà L không sinh sống tại địa phương nên không đảm bảo được điều kiện trực tiếp chăm sóc các con. Do đó, để đảm bảo cho hai con chung có môi trường sống và phát triển bình thường cần giao hai con chung cho ông G trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận ông G chưa có yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Về tài sản chung của vợ chồng: Bà L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết và ông G không có lời trình bày nên không xem xét, giải quyết.

2.4. Về nợ chung của vợ chồng: Bà L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết và ông G không có lời trình bày nên không xem xét, giải quyết.

Án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng bà L phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đình Thị L.

Cụ thể tuyên:

1. Bà Đình Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Văn G.

2. Về con chung: Có 03 con chung cháu Nguyễn Văn T1, sinh ngày 25/03/2006, cháu Đình Minh T, sinh ngày 27/06/2012 và cháu Nguyễn Thị Ngọc L1, sinh ngày 18/12/2013.

Cháu Nguyễn Văn T1 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Khi ly hôn giao cháu Đình Minh T, cháu Nguyễn Thị Ngọc L1 cho ông Nguyễn Văn G trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận ông G chưa có yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Bà Đinh Thị L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết và Nguyễn Văn G không có lời trình bày nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Bà Đinh Thị L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết và Nguyễn Văn G không có lời trình bày nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà Đinh Thị L phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011948 ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long là đủ.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 9 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Cơ quan ĐKKH;
- Lưu (Hs,Vp).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Ngọc Yến